KẺ SĂN VÀNG

BĐQ Vương Mộng Long tốt nghiệp khóa 20/TVBQGVN. Anh phục vụ tại LĐ2/BĐQ từ khi ra trường cho đến đầu tháng 4-75.Cấp bậc, chức vụ sau cùng: Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng, TĐ82/BĐQ - Anh đã bị CS giam giữ 13 năm, qua các trại tù từ Nam ra Bắc.

Anh chị được 4 cháu, gia đình hiện đang sinh sống tại Seattle, WA - Ngoài những chiến công thời trai trẻ, điều đáng khâm phục nơi anh là tuy định cư muộn, anh vẫn theo đuổi việc học và đã tốt nghiệp B.A. Social Science & Communication tại University of Washington năm 2003

* * *

Một chiều đầu mùa hè 1989, bên bờ hồ đập thủy điện Trị-An, gió nhẹ và mây quang, mặt hồ gợn sóng, tôi ngồi hàn huyên cùng một ông bạn già cựu hạ sĩ quan QLVNCH. Chúng tôi ngồi nhâm nhi đôi ba chung. Rượu vào lời ra, ông ta biết tôi đã từng đơn thương độc mã vào rừng đào vàng, đào thiếc kiếm cơm trên mỏ vàng Suối-Nho, Gia-Kiệm, mỏ vàng K3, Đơn-Dương và mỏ thiếc Nắp-Bắc (Lap Bé Nord) Đà-Lạt. Thế là tối hôm ấy thằng Hai Thanh, con trai lớn của ông bạn tôi, bái tôi làm thầy, nó đề nghị tôi qui tụ và chỉ huy một "mũi" (tổ làm việc) đi kiếm "xái" (quặng mỏ) trong rừng Hiếu-Liêm. Tôi đang lúc thất nghiệp, nên nhận lời làm đầu lãnh một mũi gồm hai anh thanh niên trốn nghĩa vụ quân sự là Thanh và Hòa (bạn Thanh) và một cậu bé mười lăm tuổi, thằng Út, em của Thanh. Vì tình trạng trộm cắp nơi mỏ vàng, với sự hiện diện của hàng trăm tay chơi anh chị tứ chiếng đủ loại, tôi phải gởi cái bóp giấy tờ tùy thân tại nhà ông bạn già. Lý lịch của tôi được dấu. Trong chuyến đi này bọn bộ hạ gọi tôi là Bác Hai, đôi khi chúng gọi tôi là Bác Hai Bắc-Kỳ. Thằng Ba Chiến, em của thằng Hai Thanh, đang chạy xe thồ và bạn thồ của nó sẽ lo việc chuyển vận chúng tôi vào vùng mỏ.

Chúng tôi trang bị hai chỉ vàng rồi lên đường vào Hiếu- Liêm một sớm mai rực rỡ nắng hè. Trong những lần "ra quân" trước đây ở Suối-Nho, Đơn-Dương, Nắp-Bắc, tôi thấy những khu vực khai mỏ đều được xem như "vùng oanh kích tự do" của dân kiếm xái. Chúng tôi đến, đi, chặt rừng, đào núi, lọc quặng, khai mương, ngăn suối, chẳng ai đòi hỏi giấy tờ khai báo phép tắc rườm rà. Lần này chúng tôi cũng được tự do đi về không ai cấm cản, duy có việc chặt rừng, phá núi phải cần một cái giấy phép khai thác rừng của Ủy Ban Nhân Dân xã Hiếu-Liêm (Đồng Nai). Lệ phí chính thức cho một tờ giấy phép chỉ có năm ngàn. Nhưng phải chờ hai, ba tháng sau đơn xin mới được chấp thuận. Trong khi đó giấy phép tuôn ra bên cửa hông thì chỉ một buổi hay một ngày là có kết quả, giá "chui" hơi đắt một chút, hai phân vàng! Tờ giấy phép của UBND xã chỉ có mấy dòng : "Cấp cho đương sự quyền khai thác diện tích 10 mét x 10 mét trong rừng Hiếu-Liêm trong thời hạn 30 ngày".

Mỏ vàng Hiếu-Liêm cách đập Trị-An (Biên-Hoà) khoảng hai giờ xe thồ, nằm trong một khu rừng nhiệt đới đất đỏ, cây cao, tàn rộng. Nơi này ngày xưa là phần địa đầu chiến khu D của Việt Cộng. Đường lên dốc, xuống đồi quanh co. Ngày chúng tôi lên đường trời trong, gió nhẹ. Trên không có những cánh diều hâu bay lượn vòng vòng. Những con ve sầu đã bắt đầu rả rích bài ca mùa Hạ. Tiếng ve rên rỉ được giữ nhịp bằng tiếng lốc cốc của chim gõ mõ từ trên thân cây bằng lăng mốc thếch. Đàn sẻ rừng ríu rít trong đám cỏ non. Bọn chích choè, chèo bẻo đang xòe đuôi, chí choé chuyền cành đuổi nhau. Trong rừng sâu âm u, vẳng lại tiếng róc rách suối rừng ngọt ngào. Tiết tháng Năm, hai bên đường hoa khoe sắc. Bướm đủ màu bay lượn chập chờn trên hoa. Đường càng lên dốc càng hẹp dần, hương rừng càng ngất ngây. Chỉ cần đưa tay, tôi đã vớt được một cành hoa rực rỡ bên vách núi. Tôi cảm thấy mình đang lạc vào nơi thiên đường bừng bừng sức sống. Ngồi sau lưng thằng Chiến trên yên xe thồ, lòng tôi phơi phới. Miền Nam đang trong mùa hoa nở. Quê hương yêu kiều rực rỡ. Quê hương ta đẹp quá! Lâu lắm rồi tôi mới có cảm giác về vẻ đẹp của quê hương. Tôi hát nho nhỏ một mình nghe, câu ca cũ:

"Hoa vẫn nở trên đường quê hương. Ôi! quê hương ta đó!..."

Trước khi tới khu khai thác, chúng tôi phải xuống xe vượt bộ qua một cái dốc khá cao. Trời chợt đổ mưa, đường dốc, trơn trượt, phải mất cả nửa giờ chúng tôi mới lên tới đỉnh dốc. Nơi đỉnh dốc, thằng Thanh chỉ cho tôi thấy một nấm đất to như cái lô cốt và gọi đó là mả cậu Linh. Có vài người đang thì thụp khấn vái trước mả ra chiều thành khẩn lắm. Hoa quả, vàng mã, chất đầy mặt đất, mà đèn nhang thì nghi ngút mịt mù. Thanh giải thích rằng hiện tượng này mới có cách đây chừng một tháng thôi. Số là một hôm có cậu bé 16 tuổi trúng mạch được cả chục cây. Bạn cùng mũi với cậu ra về ngay sau khi chia chác. Cậu còn nấn ná đãi đằng bạn bè vài ngày sau mới dứt áo ra đi. Giầu rồi, cậu không hẹn trở lại. Cậu ôm vàng trước bụng và thuê riêng một chuyến thồ về Biên-Hòa vào buổi chiều mưa to gió lớn. Mấy ngày sau, đội xe thồ không thấy anh bạn thồ trở lại. Trên đỉnh dốc có mùi thối bay xa. Người ta tìm thấy xác cậu bé chết rữa trong rừng, ruột gan bị heo rừng moi ra ăn lê lết trên mặt đất, mùi thịt thối nồng nặc cả một khu. Cậu bé bị trấn lột, hạ sát, thủ phạm là anh bạn thồ. Dân kiếm xái thương tình đồng nghiệp nên đã lấp lớp đất mỏng che tấm thân lạnh lẽo của cậu bé đào vàng vắn số. Vài ngày sau mối đất ùn lên khiến cho mộ cậu bé thành một núi đất khổng lồ trong rừng. Khách qua đường ghé thắp nén nhang cầu cho hương hồn cậu sớm phiêu diêu...

Người ta đồn với nhau rằng cậu linh thiêng lắm! Ai có thắp nhang, cúng quảy, khấn vái cậu, đều được cậu phù hộ mau trúng mạch, khấm khá ra về. Rồi người ta gọi cậu là cậu Linh. Vì thế cái mả ấy có cái tên là Mả Cậu Linh. Từ dạo ấy, con đường qua dốc đổi hướng, tạt sang bên trái đỉnh dốc vài chục mét để người qua đường tiện ghé thắp nhang vái cậu Linh xin phù hộ độ trì. Một chị bán quán ngoài xã, đã bỏ xã, bỏ quán, vào đây bán nhang đèn, hương hoa, ngay dưới dốc. Chẳng mấy chốc chị phất to, cổ có kiềng vàng, chuyền vàng, tay có nhẫn vàng, vòng vàng.

Ở cái mỏ vàng Hiếu-Liêm này mỗi ngày tôi khám phá thêm một điều mới lạ. Mới dẫn "quân" vào vùng được một vài giờ, ăn xong bữa cơm, uống xong bát nước chè tươi, tôi đã thấy ruột mình sôi lên rột rột... rồi thì bụng quặn đau, đi cầu. Đi cầu xong vừa về tới lều, bụng lại lâm râm, lâm râm đau. Thằng cu Hòa dẫn tôi đi gặp ông bác sĩ An để xin thuốc. Ông bác sĩ đóng đô bên bờ suối. Cái chòi của ông chia làm hai ngăn, ngăn ngoài là nơi hành nghề y khoa vỏn vẹn chỉ có một cái chõng tre trên để một cái rương gỗ chứa thuốc men, bông, băng, alcohol, thuốc tím thuốc đỏ. Ngăn trong là tư thất với một cái giường tre, một cái bàn tre đặt cạnh cái bếp làm bằng ba cục đá suối xếp châu đầu thành ông táo. Bếp nhà bác sĩ An lúc nào cũng khói lửa nghi ngút, nồi nước nấu kim chích sôi o...o... suốt ngày. Trước chòi treo một cái biển gỗ cỡ 20 x 40 cm, nền xanh, chữ trắng, "Phòng Mạch Bác Sĩ An". Tụi nhỏ truyền khẩu với nhau, nào là bác sĩ rất giỏi, bệnh gì ổng cũng rành, cũng trị được dứt nọc. Thêm vào đó, nếu bệnh nhân là dân đào xái bị ngã bịnh trước khi chạm xái, bác sĩ cho nợ tiền công và tiền thuốc cho đến khi xái đã lọc xong thành vàng. Bịnh nhân con nợ có thể trả công bác sĩ An bằng vàng hay tiền cũng đựơc. Nếu anh nào "mo" thì ông chữa thuốc thí công (mort, tiếng Pháp có nghĩa là chết, ý nói thất bại). Ông bác sĩ An là người sinh ra ở quê hương của Bác nên giọng ông nói nặng lắm. Năm tôi có cơ duyên gặp ông nơi rừng thiêng nước độc này thì ông đã ở tuổi trên năm mươi. Bà vợ của bác sĩ lại là người miền Nam, còn rất trẻ và trông thật hiền hậu.

Sau vài câu xã giao, bác sĩ An nhận ra tôi là người Bắc, ông liền vồn vã hỏi han huyên thuyên:

- "Này đằng ý ơi! Nhìn cái phong thái của đằng ý, tớ đoán chắc rằng đằng ý không phải tay xoàng. Bộ "bảng đỏ" hả? (bảng đỏ nói lái thành bỏ Đảng) - Vô Nam lâu chưa? Gia đình vợ con ra răng? Bởi lý do chi mà đằng ý phải đày đọa như ri? Tớ cũng là dân "bảng đỏ" (bỏ Đảng) đây! Anh hùng mấy khi gặp gỡ. Ngồi đây tâm sự với nhau chơi, đừng ngại!"

Ông bác sĩ bỏ Đảng đâu có biết rằng người đứng trước mặt ông lại là một cựu sĩ quan Tiểu đoàn trưởng Biệt Động Quân của QLVNCH, vừa mới được tha ra từ trại tù cải tạo. Phần thì đang bị đau bụng tháo dạ, phần thì e ngại buổi sơ giao, tôi chỉ ậm ừ cho qua câu chuyện. Sau khi cặp nhiệt, bác sĩ An hỏi tôi rất kỹ về dạng phân, triệu chứng lâm sàng. Anh nói rằng tôi là một trong số ít người có cơ thể nhạy cảm với đồ ăn thức uống có hàm lượng kiềm cao. Tại các mỏ vàng, nước giếng, nước suối có chứa hàm lượng kiềm rất cao (?) Nước suối ở đây uống hơi chát. Nếu pha trà thì nước trà cũng có màu xám xịt. Nước uống chính là nguyên nhân gây ra cái bệnh đường ruột của tôi. Muốn tránh, tôi chỉ cần ngưng uống nước trong khu này thôi, không phải dùng thuốc thang gì cả bệnh sẽ tự nó chấm dứt. Nghe theo lời chỉ dẫn của ông bác sĩ, đêm đó tôi uống nước ngọt loại chứa trong bình hai lít thay cho nước trà. Sáng hôm sau tôi hết bị Tào Tháo rượt. Thế là, cứ vài ngày thằng Chiến lại thồ vào cho Bác Hai một bình nhựa 20 lít nước suối lấy từ ngoài xã.

Tuy xa thành phố, nhưng trong khu mỏ vàng Hiếu-Liêm này không thiếu thứ gì, từ nước ngọt, bia,

rượu, thuốc lá, bánh kẹo, tới rau cỏ, thịt cá, kể cả dụng cụ đào vàng như xẻng, khiên, xà beng, cuốc chim, thuốc nổ C4 dùng phá đá, và thủy ngân (để tách vàng khỏi các kim loại khác). Có cả chục cái quán cóc cung ứng đủ mọi mặt hàng nhu yếu cho dân đào vàng. Thậm chí khi bạn trúng lớn, cần có vũ khí để áp tải số vàng kiếm được về nơi an toàn, bạn cần thuê vài khẩu K54, AK 47, bạn cứ hỏi quán cô Nghĩa là có ngay.

Bất cứ "mũi" nào có "bãi" đều có thể mở một trang trong sổ nợ của cô Nghĩa. "Mũi" là một tổ thi công (tổ làm việc), quân số tùy nghi. Có mũi quân số đông cả chục người, khai thác hai ba giếng. Có mũi chỉ có hai cha con của một gia đình. "Bãi" là một khoảnh đất vuông mỗi chiều mười mét không hơn không kém. Muốn có bãi thì dân lùng xái phải đăng ký với xã. Thủ tục đăng ký thì như tôi đã tả ở phần trên: hai phân vàng. Thời buổi này cái gì cũng chi bằng phân, bằng chỉ. Vào tới vùng hành sự, tôi mới phát giác ra rằng chẳng cần ghé văn phòng xã xin giấy đăng ký cho phí thời giờ, mua trao tay tại hiện trường một cái giấy phép với con mộc đỏ chói cũng chỉ ba, bốn phân là cao. Ngay khi chúng tôi vừa hoàn tất công việc phát quang cái bãi mà tôi đã chọn thì một người đàn bà trung niên, giọng nói rặt Bắc-Kỳ 75 tới tìm tôi để ký giao kèo tiếp tế. Từ gạo, thịt, mắm, muối, kem đánh răng, khăn mặt, xà bông cho tới cái lều vải tiểu đội cho bốn thày trò tôi đều được thím Xuân cung cấp. Phí khoản đều ghi vào sổ nợ tên Bác Hai có đóng ngoặc (Bác Hai Bắc- Kỳ). Thím Xuân đồng ý cho chúng tôi thanh toán sau khi cạn giếng, nghĩa là sau khi đã bán xong số vàng dưới lòng đất của cái diện tích mà tôi đang căng lều hạ trại. Mười bốn năm sau chiến tranh, tôi đã sống như một tay săn vàng chuyên nghiệp trong những phim Cao-Bồi Viễn-Tây của Mỹ. Đây là chuyến trở về chiến trường xưa lần thứ tư của tôi. Oái oăm là chuyến đi nào cũng có chuyện buồn, chuyện vui để nhớ.

* * *

Quả thực, chuyện đào vàng chẳng có gì nên thơ, mơ mộng. Ngoài nỗi khổ vì muỗi mòng, lo sợ sập hầm, lo "xái rỗng" (quặng chứa ít vàng quá) không thu hoạch được chút bụi vàng nào, phí công. Ngoài ra còn cái nguy cơ bị sang đoạt bởi những tay hảo hán thương phế binh VC có vũ khí. Khác với đất Đà-Lạt và Đơn-Dương, những nơi tôi đã kinh qua trong các lần đi khai mỏ trước đây. Cấu trúc các tầng đất ở Hiếu-Liêm làm cho dân đào vàng đổ mồ hôi, sôi nước mắt, vất vả hơn nhiều so với đất vùng cao. Sau bốn, năm thước đất mùn đen thì tới đất đỏ pha đá cuội, đá tổ ong. Hết đá cuội và đá tổ ong lại tới đất pha đá giăm. Xuống sâu gần hai chục thước mới thấy đất chuyển sang màu trắng nhờ nhờ. Lúc này cũng là lúc "hi vọng vươn lên. ". Đất sét mầu xám pha lẫn từng cục quặng sắt rỉ là dấu hiệu phần vỏ của lớp đất trộn quặng vàng. Đoạn đường từ miệng giếng tới lớp đất xám là đoạn đường đứt ruột, rã rời hai tay. Tôi là trưởng mũi nên không phải thay phiên "mõi" đất (đào sâu xuống lòng đất, chuyền đất lên miệng giếng). Tôi chỉ phải tản số đất đã moi lên cho gọn ghẽ. Công việc này cũng không nhẹ nhàng mà rất tốn sức, tốn công. Lớp đất đào lên trong những ngày đầu phải gánh ra đổ nơi bờ suối, cách lều cả trăm mét dưới dốc. Những ngày cận xái thì tôi chỉ việc đổ đất mới moi lên ngay nơi chúng tôi ăn ngủ. Chúng tôi làm

việc gần như suốt đêm ngày. Chỉ nghỉ, ngủ vài giờ rồi lại tiếp tục công việc. Tôi phải bấm giờ để ba đứa nhỏ thay nhau mõi cho công bằng. Hai thằng đào dưới giếng, một thằng ngồi trên miệng giếng kéo gầu đất xái. Cứ hai tiếng đồng hồ chúng lại nghỉ giải lao. Thằng Thanh làm một điếu 555 thì hai đứa kia cũng gắng rít mỗi đứa một điếu. Thằng Hòa chơi một chai bia Chương Dương thì hai đứa kia cũng chơi theo ngay, mỗi đứa một chai. Chẳng đứa nào chịu phần thua lỗ cả.Tóm lại tinh thần đồng đội của dân đào vàng rất cao. Tinh thần tranh đấu cũng rất cao. Bắt tay vào việc là ăn hút cái đã! Ăn hút đồng đều, không ai ganh tị. Chỉ có cô Nghĩa và thím Xuân là lời thôi! Tôi nghĩ thầm không biết tới ngày cân lọc xong xuôi, số vàng thu được có đủ để thanh toán tiền ăn hút cho bốn người chúng tôi hay không?

Công việc đãi xái cũng rất là vất vả. Người đãi phải cúi khom lưng cả buổi trên dòng suối, tay lắc cái khiên chao qua chao lại, giữ làm sao cho nước mới vào khiên thay nước cũ, nhả đất xuống dòng mà đừng để bột quặng trôi đi. Tụi nhỏ gọi công việc này là "múa nước". Tôi thì tuyệt đối không có đủ cái khéo tay để làm công việc này. Tôi đành làm nghề chuyển vận và bốc xái trong bao đổ vào khiên để đồng bạn làm công việc còn lại. Khi công tác múa nước hoàn tất, thì bọn nhỏ vác bao bột quặng đi tới chòi ông Lâm Thầu người Tàu Chợ-Lớn nơi cuối dốc để mua thủy ngân và làm công tác lọc tinh vàng. Tôi lo thu dẹp rửa ráy đồ nghề, khiên, chảo, bao bì, cuốc xẻng rồi chuyển vận chúng về lều. May thay, sau khi thanh toán sòng phẳng sổ nợ cho cô Nghĩa và thím Xuân, giếng vàng đầu tiên cũng đem lại cho chúng tôi đủ số vốn hai chỉ lúc đầu tới bãi.

Hôm sau tôi cho quân nghỉ mệt ba ngày trước khi khởi công một giếng mới. Trong ba ngày nghỉ dưỡng quân này, thằng Hòa và thằng Út thay nhau nấu cơm. Ăn sáng xong, đứa thì đi phụ đãi ngoài suối lấy công, đứa thì đi nhập sòng. Cờ bạc ở đây chỉ có món xóc dĩa. Những con bạc đặt cược bằng tiền, vàng, đồng hồ, dụng cụ khai thác mỏ. Thẻ chứng minh nhân dân đôi khi cũng có thể dùng làm vật cầm cố. Có vài ổ bán dâm dọc bên bờ suối. Trong những cái lều che bằng vải nhựa, những người con gái trẻ bán dâm trên những cái chiếu trải dưới đất. Những cô gái hành nghề ở đây không phấn son lòe loẹt. Họ cũng là những người đào xái một thời, đã "mo" nên không thèm đào nữa, đành đem thân xác cho đàn ông "đào" để kiếm cơm sống qua ngày. Họ đi la cà các bãi. Móc ngoặc được khách thì dẫn về lều. Tiền trả trước, trôn trao sau. Ra khỏi lều, người bán dâm và kẻ mua dâm lại trở thành đôi người không quen.

Buổi trưa, tôi thả bộ lang thang dọc bờ con suối đục ngầu đất đãi xái. Dân đãi vàng làm việc cần cù, bất kể đêm, ngày. Ban ngày chúng tôi đãi xái dưới đèn mặt trời. Ban đêm, dọc hai bên bờ suối có hàng chục ngọn măng sông và đèn khí đá. Đôi khi, đêm vui hơn ngày. Nhạc từ những cái máy thu băng oang oang, bốn hướng tám phương. Nhạc vàng, nhạc kháng chiến, nhạc disco, bi kịch, hài kịch, vọng cổ xen lẫn nhau. Cùng lúc người nghe có thể thưởng thức cả giọng ca nữ đang lên Cẩm Vân, cùng giọng ca nam đang xuống Quốc Hương, xen lẫn điệu ngân xàng xê bất hủ của Thành Được và Bạch Tuyết. Lúc này khúc Lambada Nam-Mỹ đang thịnh hành. Khúc ca này đã lần mò vào tới tận rừng xanh. Mỏ Hiếu-Liêm đang ở vào thời kỳ đông đảo nhất. Lều trại

đó đây, ước lượng dân số đào vàng nơi này cũng cỡ bốn, năm nghìn người là ít. Họ đến từ Phát-Diệm, họ gọi con trâu trắng là "con tâu tắng". Họ đến từ Móng-Cái, từ Tuyên-Quang, họ nói tiếng Nùng, tiếng Tày. Họ đến từ miền Trung, giọng Quảng, giọng Huế. Họ đến từ Cà-Mau, họ chuyện trò với nhau bằng tiếng Miên...

Mặt trời hừng hực tháng Năm. Dòng nước đầu nguồn trôi xuôi, càng về cuối nguồn càng đục. Dòng nước thành mầu cà phê sữa đặc. Người ta lội tới mắt cá, bắp chân, đầu gối. Tay khiên chao nhanh, mắt không rời những hạt vàng óng ánh trong đáy khiên. Lượng cát óng ánh nhiều hay ít là niềm vui, là nỗi thất vọng. Đủ loại người tìm sống nơi chiến trường xưa, trên con suối đục ngầu đất đỏ. Những tiếng hát cất cao, ngây ngô, giọng Bắc, Trung, Nam chen lẫn nhau. Những giọt mồ hôi đọng trên trán, trên má những khuôn mặt cháy nắng xạm khô. Những tiếng cười vô tư bên những tiếng thở dài chán chường...

Tới cuối đồi, tôi ngừng bên những giếng vàng cũ. Dăm em bé gái trai, tuổi cỡ lên chín, lên mười, thân mình gầy guộc đang chuyền từng gàu đất xái chúng mót được lên mặt đất. Tôi tò mò hỏi:

- "Có khá không các em?"

Một bé gái trả lời:

- "Tụi con mót cả ngày không đủ ăn chú ơi! Họ 'cạo' láng quá! 'bợn' còn ít lắm chú à!"

Tôi xoa đầu bé cảm thông. Thương cho bé, mới tí tuổi đầu đã vất vả vì đời.

Tôi theo cái thang dây xuống thám hiểm vùng đất thế giới của Diêm-Vương. Sâu hai, ba chục thước dưới lòng đất, ở tầng quặng mỏ, vách ngăn giữa các giếng được đánh thông để lấy xái. Lớp đất sét có quặng chỉ dày chừng ba, bốn thước. Tôi đứng giữa một căn hầm rộng mênh mông. Mặt đất dưới chân tôi bị cạo sạch sành sanh. Trên trần là lớp đất sét trộn đá giăm, dưới nền cũng là đất sét pha đá giăm. Không khí dưới đáy giếng lạnh lẽo vô cùng. Ánh sáng mặt trời từ trên cao theo những lỗ giếng chiếu xuống đáy như những ngọn đèn pin trắng. Ngửa mặt nhìn lên, chỉ thấy một khoanh trời xanh xa tít, lâu lâu bay qua vài sợi mây trắng.

Những em bé đang mót xái cách tôi không xa, vậy mà tôi không nghe được tiếng chúng nói chuyện. Xái dưới chân không còn. Chúng dùng xẻng đâm ngược lên tầng vách đất trên đầu, hi vọng tìm được những cục quặng vàng lẫn trong đất đá trên trần hầm. Những bé con đang tìm miếng cơm dưới chân Thần Chết! Có lúc đất đá sụp từng khối trên đầu chúng khiến bọn nhỏ hoảng sợ chạy dang vội ra xa. Chờ vài giây, chúng trở lại bới vét đống đá tìm những cục xái còn sót, gom thành từng cụm rồi chuyển vận lên mặt đất. Khi bọn nhỏ đi khỏi, căn hầm im lặng như tờ, không cả tiếng côn trùng. Tôi chợt nghĩ, chỉ cần một chấn động nhỏ trên mặt đất là cả khu rừng nặng hàng triệu tấn trên kia sẽ đổ xụp xuống lấp kín căn phòng khổng lồ này trong giây phút. Tôi đảo người quan sát một vòng, tôi có cảm tưởng như đang đứng dưới một bầu trời đầy

mây đen kịt mênh mông. Đất dưới chân tôi bốc hơi lành lạnh. Tôi thấy hai ống chân mình có vẻ như muốn mềm nhũn từ từ. Quanh tôi không có ai. Quanh tôi im lặng quá. Tôi chợt rùng mình. Tôi tìm sợi dây thang, vội vàng leo nhanh lên miệng giếng.

Mặt trời xế bóng, có ba người đàn ông đeo mỗi người một cái túi đựng đầy hàng hóa bên hông. Họ đang đứng trước lều của ông bác sĩ An hỏi han điều gì đó. Tôi thấy bác sĩ An và họ nói chuyện với nhau bằng tay, miệng bốn người xí xô om xòm. Khi tới gần tôi nhận ra ba người lạ là người Thái-Lan. Họ nói chuyện bằng Anh Ngữ, họ hỏi xem có ai biết tiếng Anh thì giúp việc họ bán những cái poncho line hoa hòe. Họ sẽ trả công mười lăm nghìn một ngày. Thấy không có ai lãnh việc này, tôi tình nguyện làm việc với họ. Giao kèo chỉ có một ngày thôi vì ngày kia tôi đã bắt đầu một giếng mới không thể đi theo họ được. Sáng hôm sau tôi nhận tiền thù lao trước, làm việc thông ngôn sau. Ngày hôm ấy chúng tôi đã đi qua hết cái diện tích của mỏ vàng Hiếu-Liêm, từ đầu dốc Cậu Linh cho tới triền đồi hướng tây, nơi những cây nọc phân khu mới đóng ranh. Giấy phép khai thác khu đất này chưa được phổ biến. Chúng tôi la cà từ giếng này sang giếng khác. Tôi thông dịch chuyện mua bán thì ít, mà thông dịch những câu hỏi về thời thế, gia cảnh của dân mõi xái thì nhiều. Những người Thái có vẻ thích nghe chuyện lạ bốn phương hơn là việc mời chào khách hàng. Người Thái-Lan lớn tuổi nhất cẩn thận ghi chép những điều ông ta nghe được vào quyển sổ tay dày. Lâu lâu ông lại dở ba lô lấy cái máy ảnh nhỏ chụp hình hoạt cảnh đang diễn ra trên khu khai thác mỏ. Đi từ sáng tới chiều chúng tôi chỉ bán được vài cái mền. Ban đêm ở đây cũng lạnh lắm, nhưng những kẻ đào vàng khốn khổ như chúng tôi thì đâu có thời giờ để ngủ mà cần tới mền? Trước khi chia tay chiều hôm ấy, tôi chỉ dẫn cho những người Thái thương buôn con đường lên cao nguyên để bán chăn nylon. Họ có vẻ không thiết tha lắm với việc lên Đà-Lạt rao hàng.

Hỏi ra, tôi được biết người cao niên nhất trong bọn họ là một cựu chiến binh thuộc Sư đoàn Mãng-Xà-Vương của Quân đội Hoàng-gia Thái-Lan, một đơn vị đồng minh đã có lần hiện diện ở Long-Thành thời chiến tranh. Chuyến đi này của ông không có chủ đích buôn bán, mà chỉ mượn cớ về thăm nơi chiến trường xưa thời tuổi trẻ. Ông ta đang trên đường tìm hứng để viết lại hồi ký đời ông. Ông ta hi vọng thiên hồi ký này có thể đem về một số tiền nhuận bút lớn lao, đủ cho ông sống dưỡng già. Tôi không thiết tha lắm với đám người này, vì tôi vào lại chiến trường xưa chỉ với mục đích tìm gạo sống qua ngày, tôi không có gì hứng thú với việc trở về rừng tìm ý viết văn như họ. Chiều ấy chúng tôi chia tay.

Tôi về tới lều thì thằng Út kể cho tôi nghe chuyện chị bán nhang đèn bị cướp. Chiều qua trên đường về nhà chị bị phục kích giữa rừng. Lúc chiếc Honda hai bánh của chị đổ dốc thì kẻ gian đã giựt một sợi dây dù căng ngang con đường xe be vừa hẹp vừa rậm rạp. Chiếc xe bổ nhào. Từ bìa rừng, hai người đàn ông bịt mặt bằng áo thun đen ào ra lôi chị và chiếc xe vào sâu trong bụi lau. Chúng trói chị lại, nhét giẻ vào miệng chị, lột hết nhẫn, vòng, kiềng, cà rá và cả đôi bông tai vàng của chị. Chúng vứt chị nằm trên đám cỏ lác cho kiến tha, rồi leo lên xe Honda của chị nổ

máy chạy đi mất tiêu. Chị hì hục suốt đêm mới tự cởi trói được. Chị lết ra tới giữa đường nằm chờ người đến cứu. Gần sáng, có mấy tay bảo tiêu có súng, sau khi chuyển xái về nhà thân chủ, trên đường trở lại rừng, họ thấy chị nằm giữa đường bèn cứu chị về bãi. Chuyện chị nhang đèn bị cướp chắc cũng được truyền khẩu trong dân gian vùng mỏ này được vài ngày. Ngày sau, tuần sau người ta lại quên chuyện ấy thôi. Ở đây, mỗi ngày xảy ra cả trăm vụ lộn xộn. Đủ thứ chuyện tào lao.Tôi nghe tụi nhỏ kể lại, tôi cũng chỉ ậm ừ cho qua! Chẳng hứng thú tìm hiểu thêm làm gì. Đụng độ trong cái chợ trời này là chuyện thường ngày. Qua đường, vô ý chạm vai một yêng hùng, nếu không có lời xin lỗi kịp thời có thể gây nên cảnh sứt đầu lỗ trán. Vô tình ném cái tàn thuốc lá trước mặt một tay chơi cũng là hành động châm ngòi cho một cuộc chiến tranh. Ngoài ra, còn cả ngàn nguyên nhân gây ra ẩu đả. Đánh nhau vì gái, vì cờ bạc, vì chia chác phần hùn, vì mõi xái lấn lần ranh, và vì vân vân... Cái khó bó cái khôn, cái khổ làm con người dễ dàng nổi khùng, rồi trút cái khùng ấy lên đầu đồng loại.

Một hôm, tôi vừa đổ gầu đất xuống bờ suối, quay lưng định trở về giếng làm chuyến kế tiếp thì nghe có tiếng đàn ông quát tháo:

- "Mày không nộp hết túi vàng cục đó cho tao thì tao vặn họng mày!"

Tò mò tôi dừng lại quan sát. Bên bờ suối, một hảo hán to lớn đang kẹp cổ một cô gái cỡ mười bốn mười lăm tuổi. Tay anh ta lần mò trước ngực cô giành giựt cái gì đó. Cô gái vừa cố ôm chặt cái túi áo vừa khóc lóc:

- "Em lạy anh, vốn liếng đào đãi cả tháng nay, em chỉ có ba chỉ. Mẹ em đang bịnh nặng chờ ở nhà. Anh mà lấy hết thì em không còn tiền thuốc thang cho mẹ em. Mẹ em chết mất! Em lạy anh ngàn lạy. Em làm đứt dây lều của anh, em đã thay bằng dây dù loại xịn đền cho anh rồi. Anh tha cho em, anh ơi! hu..hu...hu..."

Người đàn ông nắm tóc cô gái mà quay, hắn nghiến răng:

- "Tổ mẹ mày! Dây lều của tao, mày phải đền bằng thứ dây 'gin'. Tao không chịu cái thứ dây dù đó. Ở đây cái gì cũng tính bằng vàng. Không đền tao giết!"

Vừa nói hắn vừa đấm đá túi bụi vào ngực, vào mình cô gái đáng thương.

Cuối cùng, hắn chộp được cái túi nylon dấu trong áo ngực của cô gái. Người thanh niên bỏ bao vàng vào túi rồi buông cô bé ra. Cô bé mặt mũi đầy máu, ôm lấy chân anh thanh niên, nắm chặt vạt áo hắn, cô cố gắng giựt lại cái túi nylon. Người đàn ông liên tiếp đấm đá cô gái. Hắn tìm đủ mọi cách thoát khỏi bàn tay cô gái. Cuối cùng hắn quật cô bé lăn quay ra đất rồi nhổm mình định chạy đi. Cô gái vội nhào vào ôm chặt chân chàng hảo hán, miệng cô la bải hoải:

- " Bà con cô bác ơi! Cứu con! Người ta ăn cướp vàng của con. Ăn cướp! bà con ơi!"

Thấy tôi đứng nhìn, cô bé cầu cứu:

- "Chú ơi! cứu con với! anh này cướp vàng của con chú ơi!"

Tôi chưa biết tính sao, thì tay hảo hán đã hăm he:

- "Này! Đừng có dính vào nghe cha! Coi chừng lỗ mũi ăn trầu đó!"

Tôi xua tay, nhẹ giọng:

- "Chuyện đâu còn đó. Anh cứ thủng thẳng mà giải quyết. Sao lại nặng tay với phụ nữ như thế, ngó sao được."

Nghe vậy, người thanh niên nộ khí xung thiên:

- "Đ.M! Mày có phải ông nội tao không mà lên mặt dạy khôn tao? Tao uýnh chết mẹ mày bây giờ!"

Đúng là cái ách giữa đàng! Tôi phân bua với những người đồng cảnh đang đãi xái dưới suối:

- "Bà con nghe có được không? Tôi thấy đàn ông ăn hiếp đàn bà thì tôi có ý kiến. Anh này hàm hồ, hỗn hào như vậy thì bà con tính sao?"

Bà con chưa nói gì thì anh hảo hán đã dấn cho tôi một bạt tai khiến mắt tôi nổ đom đóm. Anh co cẳng bồi thêm một cái đạp ngay hông tôi; tôi té bò càng bên bờ suối. Tôi vừa lồm cồm bò dậy lại bị thêm một cái tát ngay má phải. Thế là, tôi chẳng còn nghĩ hơn thiệt, phải trái gì nữa. Tai tôi đã ù, mắt tôi đã đổ lửa. Tôi không kìm được tiếng rú man rợ thoát ra từ miệng mình:

- "A! ...A!...A!...!!!".

Tôi hất đôi quang gióng xuống đất. Cái đòn gánh trở thành cây côn. Cái đầu côn thốc lên một đòn rất nhuyễn và thuần thục. Bài côn Bình-Định do một võ sư xuất thân từ quê quán của vua Quang-Trung truyền dạy cho tôi ở Pleiku thời 1966-67 đã bị bỏ quên nhiều năm, nay được đem ra thi thố giữa rừng xanh. Mũi côn vừa thọc trúng hàm đối phương thì tôi tự động tạ người xuống thấp, tay tôi xoay cây côn một vòng trên đầu lấy đà. "Vèo!" cây côn chúc xuống quét sát mặt đất, cắt ngang ống quyển tên thảo khấu. Bị liên tiếp hai đòn chí tử, chàng hảo hán qụy gối xuống. Phát côn thứ ba, bổ xuống từ trên cao trúng vai anh ta, kết thúc bài học vỡ lòng "Tam Côn Khai Môn"- Đó là bài đầu trong ba mươi sáu bài "Đoạt Mệnh Côn" Bình-Định, bài nào cũng kết thúc bằng một thế sát thủ. Theo đúng bài bản, thì phát bổ xuống phải nhắm ngay đỉnh đầu địch thủ, nhưng tôi chợt hồi tâm, nhích tay cho nó chệch sang bên, dù sao thì anh ta cũng không phải là một tên lính Mãn-Thanh! Lúc này vị hung tinh rũ người xuống như cọng bún. Tôi bước lên một bước, tay phải vặn ngược tay trái anh ta ra đàng sau. Anh đang cố gượng đứng lên, nhưng đành tự động quỳ xuống, khi tôi xoay tay anh một vòng chín chục độ theo chiều kim đồng hồ. Mặt anh nhăn nhúm vì đau.

Mồ hôi anh chảy ròng xuống má. Tôi nghe anh ta rên, "ư! ư! ư!..." trong họng. Bà con tụ tập kín xung quanh la ó như cái chợ:

- "Đánh chết mẹ nó đi! Đồ ăn cướp!"

Tôi móc túi anh lấy cái túi nylon đựng mấy cục vàng ròng đưa cho cô bé. Cô bé vội vã bỏ vàng vào túi, miệng lúng búng:

- "Cám ơn chú!"

Rồi cô ta cắm đầu vụt chạy về hướng dốc cậu Linh khuất bóng. Đợi cho cô bé chạy đã xa, tôi mới buông tay anh thanh niên ra. Tôi đẩy nhẹ, anh ta ngã chúi về phía trước. Tôi chống một đầu đòn gánh sát mũi chân phải. Bàn chân phải sẵn sàng hất cái đòn gánh lên cao phòng hờ một đòn phản ứng cấp thời. Nhưng anh thanh niên không còn hung hăng nữa. Anh lết mình trên cát như con chó đánh hơi thấy mùi cọp. Anh ta gắng lết cho xa đầu ngọn côn. Anh nhìn tôi với đôi mắt lạc thần. Anh lượm vội đôi dép râu Trường-Sơn rồi ù té chạy về phía con dốc hướng tây, nơi đầu nguồn con suối. Tôi đứng nhìn theo bóng anh ta, lòng chùng xuống, man mác buồn. Tôi tự cảm thương cho cái thân tôi! Cạn ao, bèo xuống đất, tôi đang tranh sống trong một thế giới không luật pháp, không cả tình người. Đâu có ngờ, cuộc đời tôi lại có ngày bị đẩy đưa đến cái khúc quanh thê thảm này!

Đấy! Cuộc sống của dân Gold-seeker miền Nam vào thời 88-90 đại để là như thế đấy! Muốn nghĩ rằng nó nên thơ, thì nó nên thơ. Nếu cho rằng nó thảm sầu, thì quả thực nó quá thảm sầu. Thời gian thì cứ trôi. Mặt trời lặn rồi lại mọc. Ngày nào cũng là quá dài, đối với những kiếp người sống đọa đày trầm luân trong tăm tối, không tương lai. Tôi nghĩ đến thân phận mình và đồng bào mình. Chỉ vì cái ngày ba mươi tháng Tư năm ấy, chúng tôi đã đánh mất đất nước, mà cả đất nước tôi thành một trại tù khổng lồ. Năm 1988 ra khỏi cái nhà tù con, tôi lại cùng những người khốn khổ nhất của đất nước này tranh sống trong một nhà tù lớn.

* * *

Chúng tôi khởi công đào giếng vàng thứ nhì vào một buổi sáng trời u ám lất phất mưa rơi. Mặt trời bị mây che kín mà rừng già thì tối om. Tôi gắng chuyền nhanh từng gầu đất, nặng như những gầu bùn khi đi tát ruộng đào ao thời còn lao động khổ sai trong trại cải tạo Nam-Hà A, Z30C, hay Z30D. Mồ hôi che mờ con mắt. Mồ hôi chảy ròng ròng xuống má, qua cằm, xuống ngực. Mồ hôi làm nóng lớp da bụng. Mồ hôi chảy xuống ướt cả cạp quần. Đúng Ngọ, gió chợt ngừng, tôi nghe như có ai đó vãi từng đợt đá sỏi trên tàng cây cao. Mưa đá! Những cục nước đá nhỏ bằng hạt ngô nhảy tưng tưng từ đợt lá này xuống đợt lá khác, rơi vãi trên nền đất mới. Thoáng chốc, mặt đất đã trắng xóa vì mưa đá. Hạt mưa đá lớn dần, bằng hạt đậu, bằng trứng cút, rồi bằng trứng gà. Trời tối thui, và nhiệt độ hạ rất nhanh. Da bàn tay tôi săn lại vì lạnh. Những vết vân tay nổi rõ

lên màu bạc nhợt nhạt. Tôi thấy gai ốc nổi cùng người. Tôi cảm như bầu trời là một tảng băng khổng lồ đen kịt đang phà khí lạnh xuống những tàn cây trên đầu. Ôi! Sao trời lạnh thế! Giữa trưa, tháng Năm...

Trên đồi, những dòng nước bắt đầu len lách quanh gốc cây. Những dòng nước đỏ ngầu tìm đường xuống dốc. Nước bắt đầu đổ ào ào vào miệng giếng đang đào. Tôi cho quân tạm nghỉ. Chúng tôi dùng một tấm vải nhựa che trên miệng giếng. Khi ba đứa nhỏ đã leo lên khỏi miệng giếng chui vào lều, tôi mới theo chân chúng ngồi bó gối nơi cửa ra vô. Tôi mồi một điếu thuốc Cửu-Long, nhìn những hạt mưa đá lăn trên mặt đất, nghĩ ngợi mông lung...

Nhớ chuyện cũ, ở chân núi hướng đông của ngọn Lap Bé Nord, Đà-Lạt, một ngày đầu hạ năm 1965, cũng có trận mưa đá bất chợt như hôm nay. Những viên nước đá to như quả trứng gà vãi trên tàn thông năm lá, rồi lăn tưng tưng trên nền cỏ, bên miếu Thần-Hổ, trời lạnh quá, giữa trưa, tháng Năm...

Một thằng bạn sinh viên sĩ quan cùng đại đội còn điếu Oakland cuối cùng, chuyền tay nhau năm đứa. Khói thuốc ngọt như mật. Điếu thuốc được chuyền nhanh qua những ngón tay ướt và trắng bệch vì lạnh. Hình như hôm ấy không một sợi khói nào kịp bay thoát trong không trung. Khói thuốc chui vào buồng phổi tuổi trẻ. Những lá phổi còn trẻ khỏe đầy sức sống. Những lá phổi hút từng ngụm khói thuốc gọn gàng dứt khoát, như tấm giấy thấm loại thượng hạng ép trên giọt mực tím rơi trên giấy trắng học trò ngày thơ ngây tiểu học. Điếu Oakland qua tay năm chàng tuổi trẻ, sinh viên sĩ quan khóa 20 Đà-Lạt. Trời lạnh quá! Khói thuốc chưa kịp bay thì điếu thuốc đã tàn...

Ngày ấy, sau cơn mưa, chúng tôi tiếp tục bài chiến thuật "Tiểu Đoàn Phản Phục Kích" trên đoạn cua chữ "U" bên đồi 1441 đất đỏ, thông xanh. Con đường uốn khúc quanh co. Những anh lính "Kà" giả địch dấu mình dưới bụi sim hoa tím, lúc nào cũng chuẩn bị câu, "Tôi đầu hàng rồi ! Đừng bắn nữa ông Thiếu úy ơi !" khi chúng tôi oai dũng tiến về phía họ ẩn nấp, sau một pha xung phong phản phục kích tuyệt vời qua màn khói đỏ, khói vàng, khói trắng, khói tím, khói xanh, và khói đạn mã tử!

Rồi Đại úy Mỹ phê bình trận đánh một cách tổng quát. Rồi Trung úy Đức rút ưu khuyết điểm. Cứ thế, hai năm dài, lặp đi, lặp lại . Những bài lý thuyết với những trường hợp xử lý, những câu giải đáp a, b, c khoanh. Những buổi thực hành trên đồi thông Đà-Lạt, đương đầu với địch giả, trong màn khói đạn mã tử. Những buổi dạ hành, xuyên đêm. Những chuyến di chuyển địa hình tìm cọc mốc dưới trăng. Những phiên gác đêm đông sương mù lạnh lẽo trên đồi Bắc. Tất cả những kinh nghiệm tự tin đó đã gom góp lại làm vốn liếng hành trang cho những người trẻ tuổi lớn dần, rồi trưởng thành, vững tâm đi vào chiến trường. Ôi thời gian qua như tên bay! Đã có biết bao nhiêu lần mưa đá kinh qua trong đời. Năm thằng tuổi trẻ chuyền tay điếu Orland ngày nào, thì một thằng thành phế binh, ba thằng đền nợ nước. Hai mươi bốn năm sau lần mưa đá ấy, còn lại mình tôi,

một Kẻ Săn Vàng...

Trời gầm trên ngọn cây. Chớp giật liên hồi. Mưa như cầm chĩnh đổ. Cứ như vậy suốt đêm và kéo dài cho tới chiều hôm sau, mưa mới nhẹ hạt dần. Nước đã tràn qua bờ be miệng giếng. Nước cuốn trôi xuống chân đồi những gì cản đường. Dòng suối hiền hòa hôm qua, nay trở thành con sông nhỏ chở đầy củi cành rác rến, nước đỏ ngầu. Tôi cứ ngồi bó gối nhìn ra ngoài trời. Điếu thuốc này tiếp nối điếu thuốc khác trên môi, tôi ngồi nghĩ vẩn vơ toàn những chuyện ngày xưa. Trời càng về chiều càng lạnh hơn. Đêm đó tôi bị cảm lạnh. Trong lúc cơn sốt rét rừng hành hạ tôi, thì ngoài kia mưa vẫn rơi. Nhưng rồi chuyện gì cũng qua. Mấy hôm sau mặt trời lại trở về soi những tia nắng ấm trên cuộc đời những kẻ bất hạnh nhất trần gian. Chúng tôi bắt đầu trở lại. Những giọt mồ hôi lại đổ xuống mảnh đất chiến trường xưa. Những gầu đất tiếp tục khơi sâu lòng giếng. Từ quán cô Nghĩa vang vọng lại giọng hát ngọt ngào thuở nào, Khánh Ly,"Trời ươm nắng cho mây hồng... Mây qua mau, em nghiêng sầu...Ngoài kia lá như vẫn xanh ..." Tôi chợt thấy một niềm vui nhỏ nhen nhúm trong lòng, nơi rừng thiêng nước độc này, chợt phút giây, tìm lại được cái gì đó gần gũi, ấm cúng ngày cũ. Giếng đã cạn đá sỏi, bắt đầu vào lớp đá giăm, chúng tôi mừng vui vì sắp tới ngày "hi vọng vươn lên" của giếng vàng thứ nhì.

Đã đến ngày chúng tôi bắt đầu công việc gom xái. Xái chuyển tới mặt đất thì được đóng thành bao, chất quanh lều. Sau đó chúng tôi mới từ từ chuyển xái xuống suối để đãi lấy tinh. Với dân đào vàng thì ngày này là ngày hạnh phúc nhất. Tôi cầu mong đợt thu hoạch kỳ này sẽ khấm khá hơn lần trước. Giếng bên cạnh của hai cha con ông người Quảng mới trúng bảy cây. Giếng của chúng tôi sát nách giếng cha con nhà ấy, có rẻ cũng được năm cây! Tôi nhẩm tính trong đầu, chi phí đâu đó xong xuôi, mỗi người chắc mẩm có cả cây bỏ bọc! Tôi nghĩ đến đàn con đang ở Sài-Gòn chờ tin tôi, như những con chim non đang trông chờ con chim mẹ kiếm mồi... Tôi mơ màng hình dung trước mắt, một mâm cơm gia đình có canh, có cá. Tôi nghĩ tới tuần sau, khi tôi mang vàng về, các con tôi sẽ có tiền trả tiền học. Tôi sẽ mua thêm vài tấm tôle nhựa để che những lỗ dột trên lầu cho lũ con đỡ ướt lúc gió mưa. Tôi sẽ mua dự trữ một số chỉ thêu để con gái tôi có sẵn chỉ mà thêu hàng cho khách đặt hàng thêu. Tôi sẽ mua một cái máy thu thanh cho bọn nhỏ học Anh Văn. Vợ tôi sẽ mua để dự trữ sẵn trong nhà một tạ gạo, vài chai nước mắm, phòng đói cho con...

Trời hừng đông, người ta bàn tán với nhau rằng, ngày mười chín tháng năm, ngày sinh của "Bác", Huyện đội sẽ cho cán bộ bất thần vào kiểm tra an ninh khu vực khai thác vàng này. Tin tình báo nhân dân nhanh thật! Hèn nào mới gà gáy sáng, tôi thấy đã có mấy anh thanh niên hì hục chuyển hai thùng súng đạn từ cái quán của cô Nghĩa đem phân tán đi đâu đó không ai rõ.

Sáng sớm, thím Xuân đem lên một con gà trống đã luộc chín và một nồi xôi đậu xanh. Chúng tôi lần lượt thắp nhang khấn vái cám ơn Thổ địa đã phù hộ. Sau khi ăn sáng, chúng tôi chuẩn bị đánh giây đai những bao xái để dễ dàng chuyển vận. Khoảng mười giờ sáng, nơi đầu dốc cậu

Linh có tiếng súng bắn chỉ thiên, một cái loa cầm tay oang oang ra lệnh:

- "A lô! A lô! Ai ở đâu ở tại chỗ! Có đoàn kiểm tra an ninh kinh tế của huyện thi hành nhiệm vụ thanh lọc. Yêu cầu bà con sẵn sàng xuất trình giấy phép khai thác củi cho nhân viên chính quyền. Đây là công việc bảo vệ an ninh và quyền lợi cho bà con. Xin bà con cứ yên tâm sinh hoạt bình thường, đừng gây lộn xộn. Hãy tiếp tay với chính quyền củng cố an ninh huyện nhân dịp kỷ niệm ngày sinh của Hồ Chủ-Tịch! A lô! A lô!"

Thằng Thanh ghé tai tôi nói nhỏ:

- "Con với thằng Hòa phải tránh mặt, vì tụi con trốn nghĩa vụ. Bác Hai và thằng Út ở lại trông coi bãi xái. Hết động, tụi con trở lại."

Sau đó nó và thằng Hòa lủi vào rừng mất hút. Tiếng loa oang oang tiến lại gần. Nhạc vàng vụt tắt. Trên đồi, vài dân mõi vàng dấu vội những bao xái trong lùm bụi. Có người ném các bao xái xuống giếng rồi ném cành lá lên trên che đi. Tôi chưa biết phải làm gì thì những cái nón cối xanh đã nhấp nhô đó đây. Dẫn đầu đoàn bộ đội là một sĩ quan cấp lớn của quân đội nhân dân. Đầu hắn đội cái nón cối rất mới, sao vàng sáng chói, bên hông có K 54, tay có đồng (đồng hồ), vai có đài (radio), có cặp, mắt có kiếng râm. Miệng hắn toe toét cười khi đi ngang qua các quán lều. Cái quân hàm màu đỏ trên cổ áo hắn với một ngôi sao và hai gạch vàng (Thiếu tá) cho tôi biết lực lượng kiểm tra hiện diện trong vùng này cũng phải cỡ trên dưới một tiểu đoàn. Như vậy là vòng ngoài, vòng trong đều có bộ đội, không rõ tụi thằng Hoà, thằng Thanh có lọt thoát không?

Hai hàng quân triển khai dọc hai bên bờ nam bắc của con suối. Những tên lính Cộng sản, AK cầm tay, lưỡi lê đầu súng, mặt lạnh như tiền. Chúng đóng trụ, từng tổ hai đứa. Tổ này cách tổ kia khoảng hai chục thước, trải dài theo con đường mòn bên bờ chờ lệnh. Công việc kiểm tra bắt đầu với việc trình giấy phép khai thác rừng. Từng toán ba người đến mỗi bãi hỏi giấy phép. Sau đó họ làm biên bản, bắt người trưởng mũi ký tên. Có vài người bị đưa đến tập trung hướng bên kia đồi, nơi cuối dốc, ở đó có một khoảng đất bằng phẳng với những súc gỗ cũ mục. Mỗi toán kiểm tra gồm ba bộ đội thì có một tên là sĩ quan, từ một sao một gạch, tới bốn sao một gạch, tức là từ Thiếu úy tới Đại úy. Tôi nhủ thầm:

- "Gớm! Sao mà quân đội nhân dân có nhiều sĩ quan dữ vậy!"

Một Thượng úy Cộng Sản và hai tên bộ đội tiến tới lều tôi. Mắt chúng sáng lên khi thấy hai dãy gần ba chục bao xái đã đóng bì gọn ghẽ. Với giọng Miền Trung tên Thượng úy trưởng toán hỏi tôi:

- "Giấy phép khai thác rừng của anh mô? Đưa tui coi!"

Tôi trình cái giấy phép mới mua lại tại bãi tuần trước với cái giá ba phân vàng.

- "Chứng minh nhân dân của anh mô?"

Tôi nhỏ nhẹ:

- "Vì ở đây không an toàn nên tôi để chứng minh nhân dân ở nhà."

Người sĩ quan Cộng-Sản nhăn mặt:

- "Anh nói năng chi lạ rứa? Anh ở ngoài Bắc mới nhập phải không?"

Tôi chống chế:

- "Không, tôi ở trong Nam lâu rồi, nhà tôi ngoài bến phà mà! "

Hắn không để ý gì tới lời tôi nói. Quay qua một tên tùy tùng, hắn ra lệnh:

- "Dẫn anh này ra bãi tập trung, giao cho đồng chí Quang."

Tôi quay qua định dặn dò thằng Út đôi điều thì thằng nhỏ đã trốn mất tự lúc nào! Tôi đi trước, khẩu AK và cái lưỡi lê đi theo sau lưng. Trên đoạn đường tới bãi, tôi còn gặp cả chục người cùng hoàn cảnh nên lòng cũng không lo lắng lắm.

Khoảng gần hai trăm người chúng tôi bị tập trung nơi bãi cây. Nơi đây có một cái lều vải dã chiến vừa được dựng lên vội vã. Có một cái bàn gỗ đặt trước cửa lều. Một Đại úy Cộng-Sản đang ngồi trên ghế nhâm nhi ly cà phê đen. Tên bộ đội đẩy tôi về phía bàn giấy và ra lệnh:

- ''Anh trình diện Thủ trưởng Quang đi! "

Tôi chưa kịp bước lên thì tên sĩ quan Cộng-Sản đã xua tay:

- "Thoải mái! Thoải mái! Anh cứ thoải mái ra nghỉ ngoài kia, chờ chúng tôi nghiên cứu vấn đề rồi sẽ giải quyết sau. Nhớ đừng tìm cách thoát ly đó nhé! "

Sau đó hắn to giọng để những người khác cùng nghe:

- "Các anh chỉ được di chuyển trong vòng đai đánh mốc bằng dây thừng này thôi! Ai tìm cách thoát ly thì chúng tôi không chịu trách nhiệm bảo toàn tính mạng đấy nghe không!"

Đám người bị câu lưu nghe lời hăm dọa mà xanh mặt. Những tên lính Cộng Sản canh gác bốn góc bãi thì vẻ mặt khó đăm đăm. Những họng AK lúc nào cũng lăm lăm chĩa vào đám đông như sẵn sàng nhả đạn. Gần hai trăm người chúng tôi ngồi trên cát, trên cỏ, nhịn đói, nhịn khát trong thời gian năm, sáu tiếng đồng hồ. Tới xế chiều thì viên Thiếu tá trưởng đoàn kiểm tra xuất hiện. Hắn vẫn toe toét cười:

- "Thế nào? Bà con có khoẻ không? Chờ đợi lâu thế này chắc là bà con đói bụng rồi đấy! Thôi

nhé! Mình tranh thủ làm nhanh nhanh công tác kiểm điểm để bà con về nghỉ mệt. Thì giờ là vàng ngọc mà! hì! hì! hì!..."

Mọi người thở ra nhẹ nhõm. Tình hình có vẻ không đến nỗi căng lắm! Vài người trong bọn tôi bạo gan giở thuốc lá ra hút trong khi chờ đợi viên Thủ trưởng đoàn kiểm tra giải quyết vấn đề. Viên Thiếu tá Cộng-Sản đưa từng xấp giấy có in sẵn mẫu cho bốn tên đàn em đem phân phát cho mỗi người chúng tôi một bản. Đó là mẫu tự khai và kiểm điểm, trong đó chúng tôi phải ghi rõ họ tên, quê quán, nghề nghiệp, ngày sinh, tháng đẻ. Về mục kiểm điểm thì tùy từng người; người không có chứng minh nhân dân thì hứa lần sau sẽ đem theo giấy tờ theo mình khi đi xa nhà; người không có giấy khai thác củi thì hứa lần sau sẽ xin giấy phép trước khi vào rừng. Nhiều ông trưởng mũi không biết đọc, biết viết, phải nhờ người khác giúp đỡ. Tôi khai tên mình là Nguyễn văn Hai, sinh quán Hà-Đông, nghề nghiệp thợ mộc. Tôi nộp tờ tự kiểm của anh chàng Nguyễn văn Hai, Hà-Đông, thợ mộc trên bàn rồi lui ra đứng lẫn vào đám đông. Những tên bộ đội canh gác an ninh lúc đó đang tháo gỡ căn lều dã chiến. Chúng nó chuẩn bị thu quân.

Sau khi dồn đống giấy kiểm điểm của chúng tôi vào ba lô, tên Đại úy phụ tá xách cái ba lô đó đi về hướng dốc Cậu Linh. Hắn vừa nhún nhảy đi, vừa huýt sáo miệng điệu nhạc Lambada Nam-Mỹ. Viên Thiếu tá Cộng-Sản trưởng đoàn trịnh trọng hắng giọng lấy hơi rồi tuyên bố:

- "Nhân danh trưởng đoàn kiểm tra nhân dân, tôi khen ngợi các anh đã thành khẩn nhận lỗi và hối lỗi. Nhân ngày kỷ niệm sinh nhật của Bác Hồ, tôi châm chước cho các anh ra về. Nhớ lần sau chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định khai thác rừng của huyện và không được vi phạm nữa nghe không!"

Mọi người vỗ tay cảm động. Đôi người còn đến mời thuốc lá và xin bắt tay tên sĩ quan trưởng đoàn. Tôi cũng thở phào nhẹ nhõm. Tôi nói với một người đồng cảnh trên đường trở về bãi:

- "Chắc lệnh trên ban xuống, bắt tụi nó kiểm tra, thì tụi nó cũng làm cho có lệ vậy thôi, chứ ăn cái giải gì mà khó dễ tụi khố rách áo ôm như mình!"

Ông đồng cảnh của tôi cười khẩy:

- "Chắc tụi nó có nhận trà nước chia chác của xã, nên mới dễ dãi với mình. Lần trước tụi nó dọn sạch cả đồ nghề, khiên, bao, xẻng, cuốc, chẳng còn gì. Để về bãi mới biết kết quả ra sao anh ơi!"

Tôi về tới bãi cũng là lúc tụi thằng Thanh chạy bát nháo đi tìm tôi. Thằng Thanh và thằng Hòa cùng vài trăm người không giấy tờ khác trốn trong khu hầm mỏ cũ suốt bốn, năm tiếng đồng hồ. Chẳng có ma nào thèm tìm đến vây bắt bọn họ. Khi bộ đội đã rút đi, có người thông báo, tụi nó mới về lều. Nghe thằng Út nói Bác Hai bị điệu ra bãi tập trung thì tụi nó lo lắng cuống quýt chạy đi tìm. Thằng Út nói lúc bộ đội dí súng bắt tôi đi thì nó chạy sang lều bác sĩ An, giả đò đau bụng

để theo dõi diễn tiến ra sao. Chờ yên việc nó mới dám mon men về lều. Rồi nó mếu máo:

- "Bác Hai ơi! Xái của mình bị tịch thu hết rồi! Bộ đội đã khiêng đi hết rồi!"

Tôi nhớ lại, khi lên nộp tờ kiểm điểm trên bàn của tên Thiếu tá Cộng sản trưởng đoàn, tôi tình cờ nghe y dặn dò tên Đại úy phụ tá:

- "Đồng chí nhớ cho người khẩn trương đãi xái ngay tối nay, bên huyện ủy chia cho cánh mình nột nửa số thu hoạch kỳ này đó!"

Thì ra cuộc càn quét này, mục đích của huyện là lấy vàng. Trong thời gian chúng tôi bị giữ ngoài bãi súc sau đồi thì lực lượng vũ trang huyện đã lùng sục khắp các bãi. Tất cả xái đã khai quật đều bị tịch thu đóng bao khiêng đi hết. Có cả chục cái xe tải chờ sẵn ngoài dốc cậu Linh để chở đi những tấn hàng béo bở. Cán bộ giải thích với dân đào vàng rằng, huyện cho giấy phép "khai thác rừng" chứ không phải để khai thác quặng mỏ. Quặng mỏ là tài sản của nhân dân, đào vàng là xâm phạm tài sản của nhân dân. Những người trưởng mũi đều bị gán tội xâm phạm tài sản nhân dân. Họ bị làm biên bản và phải làm tờ tự kiểm điểm. Tất cả xái vàng họ đã khai thác được đều bị tịch thu giao nộp về văn phòng huyện. Mẹ kiếp! Cái giấy phép, giá chính thức là hai phân, giá chui là ba, bốn phân. Trên thực tế, khai thác một diện tích vuông, mỗi chiều mười mét, cho dù là rừng cẩm lai cũng không được một phân! Thêm tiền công, tiền di chuyển xe cộ, ăn uống, thuốc men. Lại một trò "chơi chữ"! Cái đồ ăn cướp cạn! Tôi chợt bật cười, nhớ lại cái thông cáo tháng Năm 1975 của Ủy Ban Quân Quản Sài-Gòn Chợ-Lớn ra lệnh cho Quân Cán Chính của chế độ Sài-Gòn phải "đem theo 30 ngày tiền ăn khi trình diện học tập cải tạo"- Rồi một tháng sau,"Nhà nước ra lệnh cho các anh mang theo 30 ngày tiền ăn, chứ nhà nước có hứa sẽ thả các anh về sau một tháng đâu ?"-

Thế rồi từng tờ lịch lật qua, theo nhau, mười ba tập lịch được bóc đi, tôi về. Tôi về, vợ tôi đã sắp đuối, bốn đứa con tôi còn nhỏ dại. Tôi bắt đầu lại cuộc đời với hai bàn tay trắng. Mới đó mà đã mười bốn năm trôi qua. Thời gian trôi, nhưng chính sách của Đảng và nhà nước thì lúc nào cũng tàn ác, dã man, "trước sau như một"- Tôi tự trách:

- "Mình đúng là thằng tối dạ! Kinh nghiệm đau thương mười mấy năm rồi mà chưa sáng mắt ra. "Thế là công cốc! Cái lều của thày trò tôi vẫn còn nguyên, nhưng những bao xái vàng chất xung quanh lều đã biến mất. Giờ này xái trong những bao bì ấy đã được những "đầy tớ trung thành của nhân dân" đem đi đãi, vàng sẽ được chia cho những người có công chỉ huy công tác "bảo vệ an ninh và quyền lợi cho bà con" trong cuộc hành quân kiểm tra sáng nay. Đúng như tên Thiếu tá Cộng-Sản đã tuyên bố, "bộ đội không tơ hào đến tài sản của nhân dân!"- Chứng cớ là bao, bì, khiên, cuốc, xẻng, đòn, đồ nghề khai mỏ vẫn nằm yên chỗ cũ, có ai đụng tới đâu? Chúng chỉ hớt tay trên miếng ăn của những kẻ đói khổ nhất trần đời. Trong rừng chiều, tôi nghe đây đó vang vọng tiếng khóc than, tiếng nguyền rủa của những nạn nhân vừa bị cướp.

Chiều đầu hạ 1989, nắng vàng lóng lánh trên những đọt lá giữa rừng già. Trời quang và mây tạnh, nhưng trong lòng tôi cảm thấy lạnh lẽo vô cùng, lạnh hơn là khi trời đang mưa đá trên miếu Thần Hổ, Đà-Lạt ngày nào. Quán cô Nghĩa lại vang lên một bài ca xưa, nhưng giọng ca rất lạ, cuộn cassette được lén gởi về từ bên kia nửa vòng trái đất:

"Một ngày tàn chinh chiến ấy,
chim đã xa bầy...
Một ngày tả tơi hoa lá,
ngóng trông về xa,
nhớ thương hình bóng qua..."

Vương Mộng Long
Tân Sơn Hòa chuyển